

âm-ướt	Ngũ-vụng
Bắc-Kinh	damp
bùn-lầy	Peking
đầm	muddy
dinh-thự	swamp
Đông-Kinh	building
đóng một vai trò	Tokyo
giã	to play a part
hải-cảng	to pound, to beat
kênh	harbor, seaport
nhà máy	canal
nơi đô-hội	factory
ở khắp	big metropolis
phồn-thịnh	at every place
quốc-hội	prosperous
sà-lan	parliament (building)
Thượng-Hải	barge
tráng-lệ	Shanghai
xuất-cảng	majestic, imposing
xay	to export
	to husk, mill

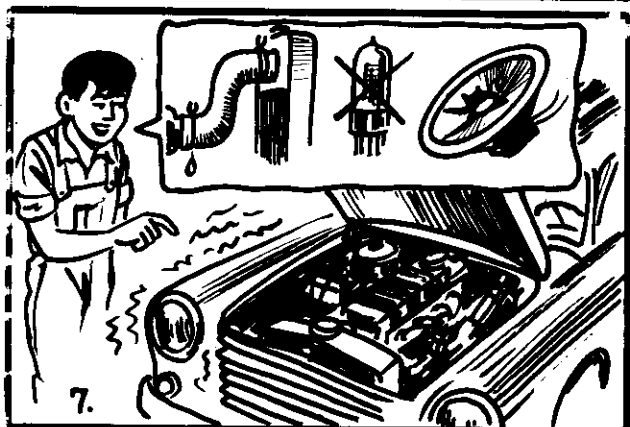
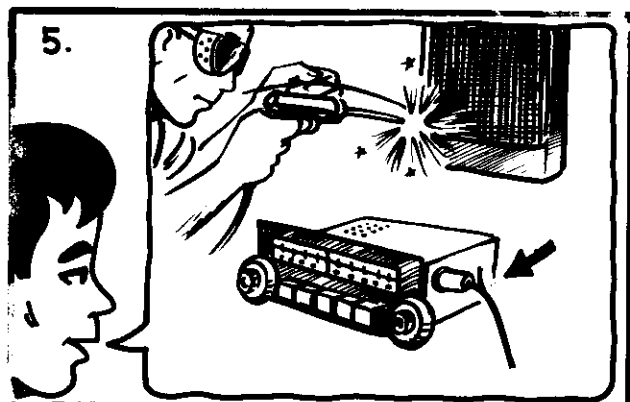
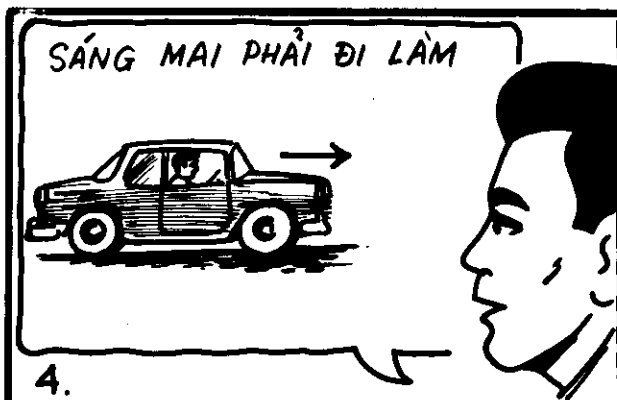
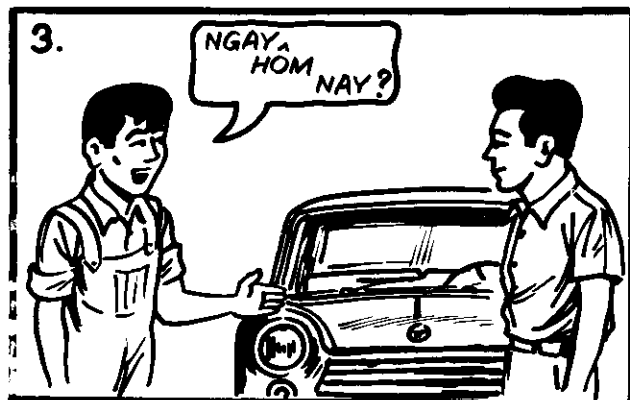
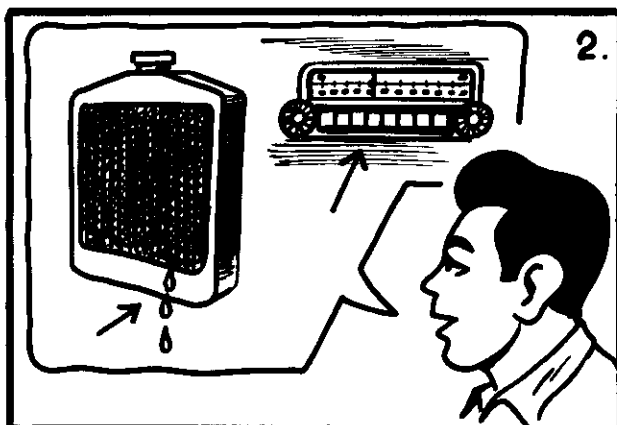
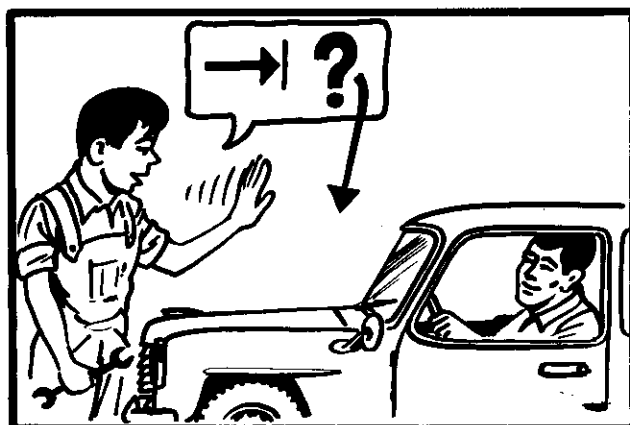
Câu-hỏi:

1. Dân số Sài-gòn - Chợ-lớn là bao nhiêu?
2. Trước kia Sài-gòn thế nào?
3. Ông biết gì về Sài-gòn?
4. Tàu, sà-lan và thuyền dùng để làm gì?
5. Gạo phải chở đến đâu để xuất-cảng?
6. Hiện nay Sài-gòn thế nào?
7. Sài-gòn là một thủ-đô đông người nhứt ở Á-châu phải không?
8. Các nhà máy xay gạo ở đâu?
9. Việt-Nam có thể giao-thông với Cam-bốt bằng sông gì?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao."



BÀI THỨ MỘT TRĂM LẼ HAI

1. Người thợ máy: Nhờ ông lùi xe vào một tí. Xe ông hư chỉ vậy?
2. Ông Triệt: Tôi không biết chắc, tôi đoán thùng-nước bị rỉ. Luôn tiện, ông làm ơn sửa cái ra-di-ô cho tôi nữa.
3. N.T.M: Ông có cần xe ngày hôm nay không?
4. Ô.T: Hôm nay thì không cần, nhưng sáng mai tôi phải đi làm việc. Nếu không hư nhiều thì nhờ ông sửa liền giùm tôi.
5. N.T.M: Dạ. Tôi sẽ cho người hàn cái thùng-nước lại. Còn cái ra-di-ô thì tôi đoán là không việc gì, có lẽ chỉ có sợi dây điện bị tuột thôi.
6. Ô.T: Hình như sợi dây máy ^{speaker} phóng-thanh đằng sau cũng bị lỏng. Nhờ ông xem kỹ cho tôi một tí.
7. N.T.M: À tôi thấy rồi. Cái vòng xiết ^{clamp} của ông nước bị lỏng. [Máy thu-thanh ^{tube} bị cháy bóng, máy phóng-thanh bị rách, và máy xe chạy rung quá.
8. Ô.T: Xe hư nhiều quá. Mai tôi đành đi xe ô-tô-buýt vậy.
9. N.T.M: Ông chịu khó một chút nhé! Ngày mai tôi sẽ gặp ông lại. Chào ông.

Lesson 102

1. Người thợ máy: Will you back your car a little bit?
What's wrong with your car?
2. Ô. Triệt: I don't know for sure. I guess the
radiator is leaking. At the same time,
would you fix the radio for me too?
3. N.T.M: Do you need your car today?
4. Ô. T: Not today, but I need it tomorrow because I'll
have to go to work. If it doesn't need a lot
of repairs, would you fix it for me immediately?
5. N.T.M: Yes. I'll have someone weld the radiator. I
guess there is no serious damage to the radio.
Perhaps there is a loose connection.
6. Ô. T: It seems that the wire to the loudspeaker in
the back is also loose. Please check it carefully for me.
7. N.T.M: Oh, I see it. The clamp on the water pipe is
loose, a radio tube has burned out, the loud-
speaker is torn, and the engine vibrates.
8. Ô. T: The car is badly damaged. I'll have to take
the bus to work tomorrow then.
9. N.T.M: Please be patient! I'll see you again tomorrow.
Good bye.

Ngũ-vịng

bóng	tube
cháy bóng	the tube burned out
dây điện	electric wire
hàn	to weld
kỹ	carefully
lỏng	loose
lùi	to step or move backward
máy phóng-thanh	loudspeaker
máy thu-thanh	máy ra-đi-ô
ô-tô-buýt <u>or</u> xe buýt	bus (going within a town or city)
rỉ	to leak out
rung	to shake, vibrate
thùng-nước (xe-hơi)	(car) radiator
tuột	to slip off
vòng xiết	a clamp

Ngày xưa có một người tên là Vi-Cồ đi ^{alone} kén vợ ở một tỉnh xa. Một ông chủ ^{innkeeper} quán cho Vi-Cồ biết là ở đằng sau chùa có cô con gái ^{Named} họ Phan xinh đẹp và ^{virtuous} nết-na lắm. Vi-Cồ đi tìm nhà họ Phan để xem mặt cô đó. Đi đến chùa thì thấy một ông già ngồi ở cửa, bên cạnh có một ^{bag of red bag} túi bằng lụa đỏ. Ông mở sách và ^{look} chăm ^{carefully} chú ^{moonlight} đọc dưới ánh trăng. Vi-Cồ hỏi ông đọc gì thì ông nói: "Tôi đọc hôn-thư, và đây là túi ^{of Marriage} (dây xích-thằng). Các ^{bonds} dây này buộc ^{tighten fast} chùn những người sẽ là vợ chồng với nhau. Dây ấy đã buộc rồi thì ^{anxiety} dẫu là kẻ thù, hay ở xa nhau cũng phải ^{mutual marriage} thành vợ chồng, không ^{avoid} tránh khỏi được."

Vi-Cồ hỏi: "Có người chỉ cho tôi cô con gái họ Phan, cụ xem có được không?" Ông già xem sách và trả lời: "Không được, còn lâu lắm cậu mới lập gia-đình. ^{little} Vợ cậu bây giờ mới ba tuổi thôi, 17 tuổi mới về nhà cậu." Vi-Cồ ^{surprised} ngạc-nhiên hỏi ở đâu thì ông già nói đó là con của ^{vegetable seller} mẹ bán rau họ Trần ở cuối xóm. Ông chỉ đường cho Vi-Cồ đi, rồi ^{vanish} biến mất. Sáng hôm sau Vi-Cồ đi đến cuối xóm, thấy một ^{old lady} mẹ già đang bán rau, tay ^{carrying} bồng một đứa con gái nhỏ chừng ba tuổi, ^{very dirty} mặt-mũi nhem-nhuộc, áo quần rách-rưới. Vi-Cồ bực mình trở về quán trọ, bảo ^{old} người ^{servant} đây ^{servant} tổ đi giết con bé đó, rồi sẽ thưởng cho 100 quan tiền. Tên ^{servant} đây ^{carried} tổ đi, ^{quay} đâm một ^{sword} nhát gươm vào ^{quarry} lồng mào con bé; mẹ già ^{panic} âm con chạy thoát.

Cách đây 14 năm, Vi-Cồ thi đỗ làm quan được một ông

quan già khác ^{old} gả con gái cho. Nàng ấy mới 17 tuổi, rất là xinh đẹp. Vi-Cô thấy vợ có một ^(scar) cái sẹo ở lông mày, hỏi tại sao. Nàng kể rằng: "Hồi ba tuổi cha mẹ ^{dead} mất, em ở với vú, vì nghèo quá phải đi bán rau, đi đâu cũng phải ^{brought} bông em đi theo. Một hôm có kẻ ^{bandit} hung, đồ ^{holy sword} cam gươm chém vào lông mày, vú mang em chạy nên thoát chết; khi lên bốn, em được gia đình này ^{adopted} nuôi làm con ..."

Vi-Cô ^{recognized} ngầm nghĩ, ^{meditated} chịu là thiên-duyên, và ông già kia là ông Tư-Hồng.

Người Việt-Nam, khi làm lễ cưới, thường hay ^{worship} cúng ^{in his favor} Tư-Hồng để tỏ ý biết ơn ông ta đã ^{in his favor} xe duyên, là do chuyện này.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

ẵm, bồng	to carry in one's arms
ánh trăng	moonlight
biên mất	to vanish, disappear
bực-mình	displeased, annoyed, vexed
cái sẹo	scar
chăm chú	attentively
chủ quán	innkeeper, restaurant keeper
dâm một nhát gươm	to stab with a sword
dây xích-thằng	the bond of marriage
hôn-thư	book of marriage
kẻ hung đồ	evildoer, bandit
kén	to choose, select
lông mày	eyebrows
lụa đỏ	red silk
ngẫm nghĩ	to meditate
người đầy tớ	the servant
nết-na	virtuous, well behaved
nhem-nhuộc	very dirty
nuôi làm con	to adopt a child
ông Tơ-Hồng	god of marriage
quan tiền	string of 600 ancient coins (those coins have square holes)
rách-rối	ragged
thiên-duyên	marriage arranged in Heaven

thù nghịch

enemy, foe

túi

a bag

vú

wet nurse

xe duyên

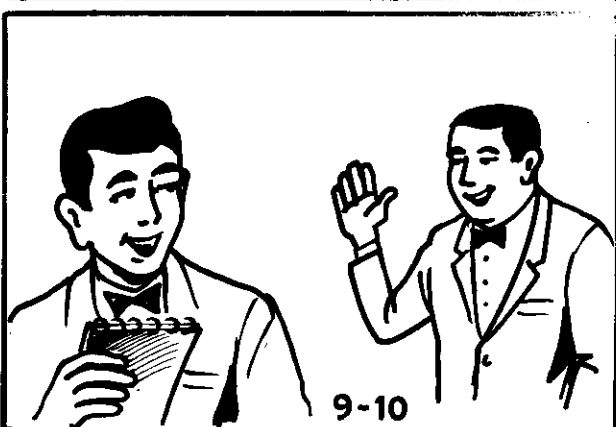
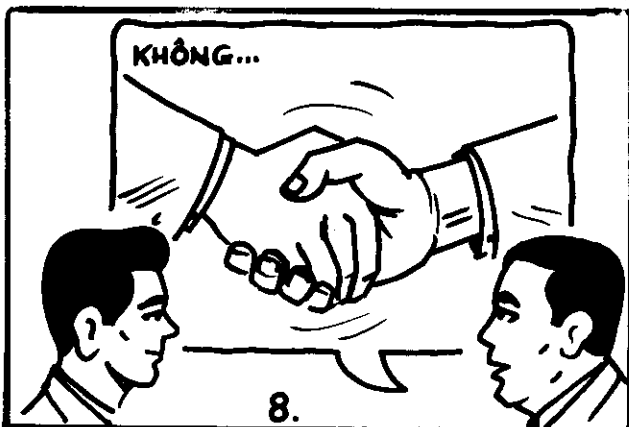
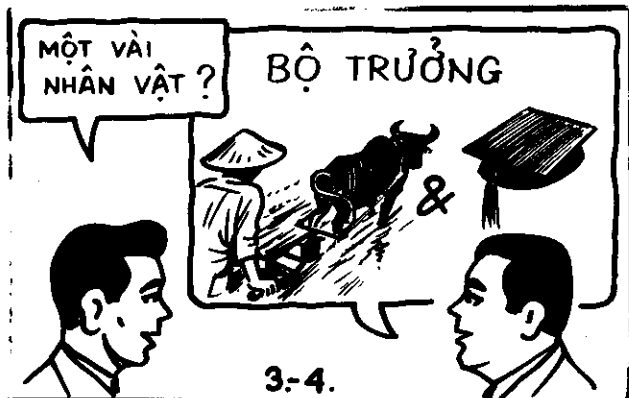
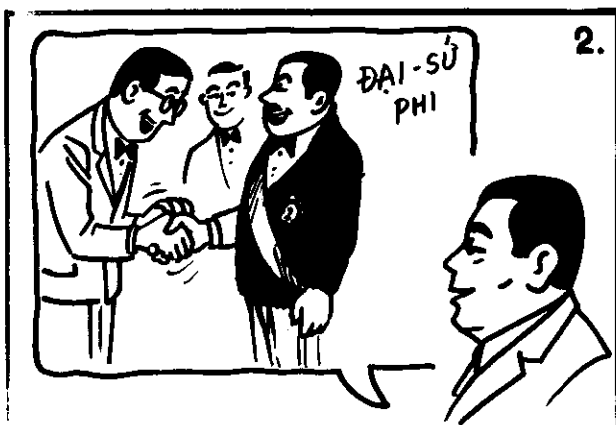
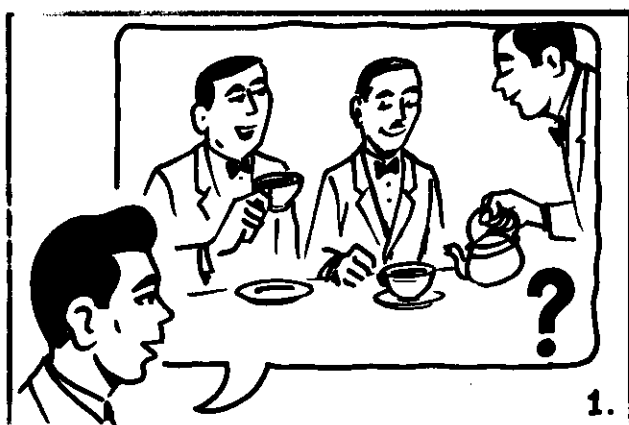
to bind two people to be husband
and wife

Câu hỏi:

1. Vi-Cô đi đến một tỉnh xa làm gì?
2. Vi-Cô trông thấy cô gái họ Phan không?
3. Đến chùa Vi-Cô gặp ai? Người ấy đang làm gì?
4. "Dây xích thằng" dùng để làm gì?
5. Tại sao Vi-Cô bảo người đầy tớ đi giết con bé?
6. Con bé có bị chết không?
7. Vợ Vi-Cô là ai?
8. Ông có tin là có ông Tư-Hồng không? Tại sao?
9. Tại sao người Việt-Nam cúng Tư-Hồng?

Tục-ngữ Việt-Nam:

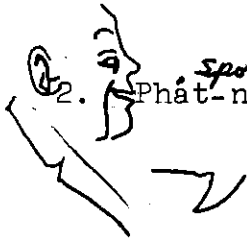
"Trời ^{strike} đánh tránh ^{meal} bữa ăn."
^{Heavens} ^{avoid}



vắng mặt = absent

BÀI THỬ MỘT TRĂM LẼ BA

1. Phóng-viên : Thưa ông, tôi nghe nói chiều hôm nay sẽ có tiệc trà tại dinh thủ-tướng, phải không?



2. ^{spokesman}Phát-ngôn-viên: Đúng rồi. Sẽ có bữa tiệc ^{family}thân-thiện ^{celebrate}nhân dịp có đại-sứ Phi-luật-tân vừa tới.

3. P.V: Xin ông cho tôi biết một vài ^{personalities}nhân-vật sẽ có mặt tại bữa tiệc này.

4. P.N.V: Ngoài thủ-tướng ra, sẽ có ông bộ-trưởng bộ ^{Minister}
^{agriculture}cảnh-nông và bộ-trưởng bộ giáo-dục.

5. P.V: Thưa ông, trong giới chánh-trị có ai được ^{invitation}mời tới tham-dự không?

6. P.V.V: Sẽ có bốn nhân-vật trong đảng dân-chủ và bốn ^{party}
^{members}nhân-viên đại-diện cho Hội-nghị Liên-A. ^{representatives}

7. P.V: Thưa ông sau bữa tiệc này thủ-tướng Việt-Nam và đại-sứ Phi có ^{announcement}tuyên-bố gì không?

8. P.N.V: Theo như tôi biết, có lẽ không có gì quan-trọng. Bữa tiệc này là một cử-chỉ ^{gesture}đề biếu-lộ ^{gesture}tình thân-thiện giữa hai nước Phi-Việt thôi.

9. P.V: Xin cảm ơn ông.

10. P.N.V: Không có chi. Chào ông.



Lesson 103

1. Phóng-viên: Sir, I heard that there would be a tea reception at the Premier's palace this evening, is that right?
2. ^{Speaker}Phát-ngôn-viên: That's right. There will be a friendly reception to greet the Philippine Ambassador who has just arrived.
3. P.V: Would you please tell me about a few of the personalities who will be present at the reception?
4. P.N.V: Besides the Premier, there will be the Minister of Agriculture and the Minister of Education.
5. P.V: Sir, are people from political circles invited to the reception?
6. P.N.V: There will be four personalities of the Democratic Party and four members representing the Pan-Asian Conference.
7. P.V: Sir, will the Vietnamese Premier and the Philippine Ambassador make any statements following the reception?
8. P.N.V: In my opinion, there won't be anything important. This reception is only a gesture to demonstrate the friendship between the two countries, Vietnam and the Philippines.
9. P.V: Thank you, sir.
10. P.N.V: You're welcome. Good bye.

Lesson 103

1. Phòng-viên: Sir, I heard that there would be a tea reception at the Premier's palace this evening, is that right?
2. Phát-ngôn-viên: That's right. There will be a friendly reception to greet the Philippino Ambassador who has just arrived.
3. P.V: Would you please tell me about a few of the personalities who will be present at the reception?
4. P.N.V: Besides the Premier, there will be the Minister of Agriculture and the Minister of Education.
5. P.V: Sir, are people from political circles invited to the reception?
6. P.N.V: There will be four personalities of the Democratic Party and four members representing the Pan-Asian Conference.
7. P.V: Sir, will the Vietnamese Premier and the Philippino Ambassador make any statements following the reception?
8. P.N.V: In my opinion, there won't be anything important. This reception is only a gesture to demonstrate the friendship between the two countries, Vietnam and the Philippines.
9. P.V: Thank you, sir.
10. P.N.V: You're welcome. Good bye.

Nhà Nguyễn

(1802 - 1945)

Sau 24 năm chiến-tranh với nhà Tây-sơn, vua Gia-Long ^{unified} thông-nhất được đất nước. ^{country} (H) Ngài đặt tên nước là Việt-Nam, Kinh-đô là Phú-Xuân (Huế bây giờ).

Vua Gia-Long là một ông vua có tài. Ngài tồ-chức lại mọi việc trong nước, cho người sang giao-thiệp ^{relations with} với Trung-Hoa và Xiêm-la làm cho trong nước dân được ^{live in peace} [an-cử lạc-nghiep.] ^{domination}

Dưới đời ngài, nước Chân-Lạp thuộc quyền bảo-hộ của Việt-Nam. Vua Gia-Long mất năm 1819, làm vua được 18 năm, ^{lived} thọ 59 tuổi.

Hoàng-tử ^{Prince} Đảm lên ngôi lấy tên là Minh-Mạng. Vua Minh-Mạng là một ông vua thông-minh, ^{fond of} ham làm việc và rất ^{studious} hiếu-học. Ngài rất ^{fond of} sùng đạo Khổng vì vậy cho đạo công-giáo là ^{consider} tả-đạo. ^{polyreligion}

Ngài sợ đạo mới sẽ làm hư-hỏng phong-tục của dân nên ra ^{prohibit} lệnh cấm không ai được theo. Nhưng càng cấm thì người theo đạo càng đông. Vua ra lệnh dùng ^{use} cực-hình, nhưng vẫn không ^{capital punishment} thể ngăn-cản được. ^{block} Dưới đời Minh-Mạng, ở Bắc và Nam có ^{rebellion} nhiều giặc nổi lên như: Phan-bá-Vành, Lê-duy-Lương, Nông-văn-Vân, Lê-văn-Khôi.

Trong ^{period} thời này cũng có sứ nước Pháp và nước Anh đem ^{goods} phẩm-vật và ^{diplomats} quốc-thư xin vào yết-kiến vua Minh-Mạng; nhưng ^{he} ngài từ-chối, ^{sent} cho quan ra nói không ai ^{audience} biết tiếng Pháp và

tiếng Anh cả nên không thể tiếp được. Vua Minh-Mạng mất năm 1840 thọ được 50 tuổi, làm vua được 21 năm. Tuy ngài là một ông vua thông-minh hết lòng làm việc nước, nhưng vì ngài quá nghiêm-khắc ^{severe} không biết thay đổi ^{change} cho hợp thời ^{in time} làm cho Việt-Nam bị lẻ-loi ^{he}. Lại giết hại những người theo đạo ^{missionaries} công-giáo và các giáo-sĩ Pháp và Tây-phương, ^{Western} để sau này nước Pháp có cơ mang quân sang đánh chiếm nước Việt-Nam. ^{reason}

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vũ

an-cú lạc-nghiệp	to live and make a living in peace
cấm	to prohibit
cực-hình	capital punishment
giao-thiệp	to have relations with
ham	to be fond of (doing something)
hiếu-học	to be studious
hợp thời	up to date
lâm hư-hỏng	to deteriorate
ngăn-cản	to block, deter
nghiêm-khắc	strict, severe
phẩm-vật	goods, articles
quốc-thố	diplomatic letter
tả-dạo	false religion
tho	to live (so many years)
thông-minh	intelligent
từ-chối	to deny, turn down
yết-kiến	to have an audience with

Pssy Whipped

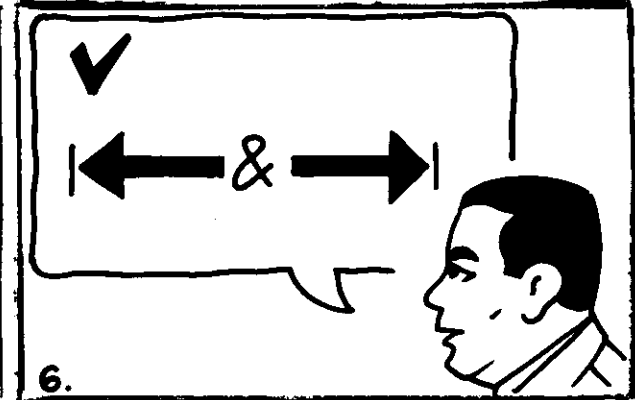
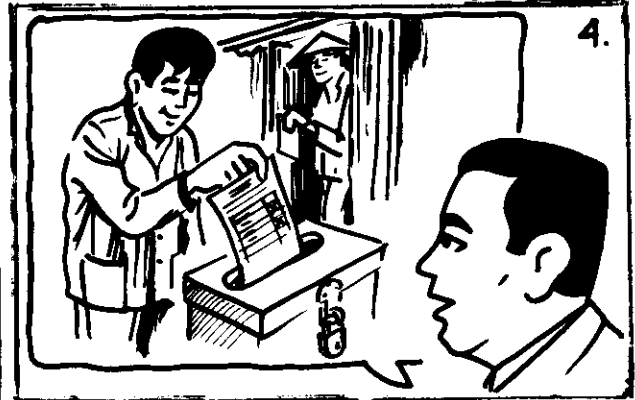
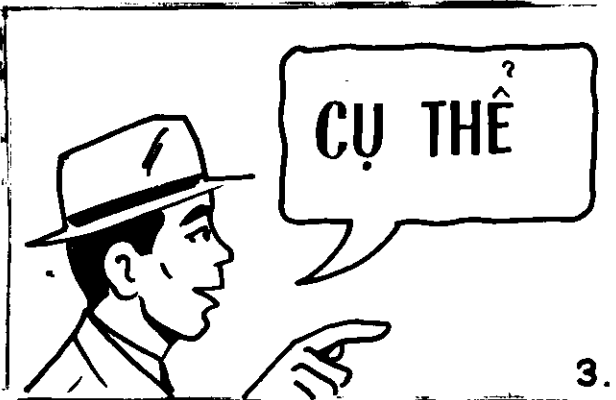


Câu hỏi:

1. Ai là vua đầu tiên của nhà Nguyễn?
2. Tại sao vua Gia-Long giao-thiệp với Trung-hoa và Thái-lan?
3. Tại sao vua Minh-Mạng căm đạo?
4. Cực-hình là hình phạt gì?
5. Theo như ông nghĩ thì tại sao vua Minh-Mạng không muốn giao-thiệp với người Pháp và người Anh?
6. Vua Minh-Mạng sinh năm nào và lên ngôi năm nào?
7. Minh-Mạng có phải là một ông vua hợp thời không?
Tại sao?
8. Nước Pháp đã lấy cớ gì để đánh chiếm Việt-Nam?

Tục-ngữ Việt-Nam:

At Home first is Mother, then second
"Ở nhà nhứt mẹ nhì con,
no people
Ra đường chân vịn *quanh* kẻ dòn hơn ta."



BÀI THỨ MỘT TRĂM LẼ BỐN

1. Phóng-viên: Xin ông cho biết mục ^đsống của thợ-thuyền và nông-dân Việt-Nam hiện nay ra sao.
2. Bộ-trưởng bộ ^{lao}lao-động: Theo hiến-pháp mới thì họ được hưởng nhiều quyền-lợi hơn trước.
3. P.V: Xin ông cho biết một vài quyền-lợi cụ-thể.
4. B.T.B.L.Đ: Hiện nay tất cả thợ-thuyền ở thành-thị cũng như ở thôn-quê đều có quyền ứng-cử, bỏ thăm và tự-do theo đảng-phái.
5. P.V.: À tôi nghe nói các đảng-phái bây giờ mọc lên như nấm, phải không ông?
6. B.T.B.L.Đ: Đúng rồi, có nhiều cực-tả và cũng có nhiều cực-hữu.
7. P.V: Nói tóm lại, ngoài đảng dân-chủ, hay tôn-giáo phái còn có đảng-phái nào to nữa không?
8. B.T.B.L.Đ: Có đảng cấp-tiến và đảng bảo-thủ.
9. P.V: Thưa ông, có đảng nào bị du-luận buộc tội là phản-động hay thân-cộng không?
10. B.T.B.L.Đ: Khó quá! Tôi không biết.

Lesson 104

1. Phóng-viên: Would you please tell me about the status of workers and peasants in Viet-Nam at the present time?
2. Bộ-trưởng bộ lao-động: According to the new constitution they enjoy more rights and privileges than before.
3. P.V: Would you please tell me about a few concrete rights and privileges?
4. B.T.B.L.D: At the present time all the workers in the cities as well as those in the country have the right to nominate, to vote, and to be free to join any political parties.
5. P.V: Ah, I heard that parties have grown like mushrooms now, is that right, sir?
6. B.T.B.L.D: That's right, there are many from the extreme left as well as the extreme right.
7. P.V: In summary, besides the Democratic Party, and the religious sects, are there any more big parties?
8. B.T.B.L.D: There is a Radical Party and a Conservative Party.
9. P.V: Sir, is there any party which public opinion charges with being reactionary or pro-Communist?
10. B.T.B.L.D: Too difficult! I don't know.

Ngũ-vũng

bảo-thủ	conservative
bỏ thăm	to vote, cast a vote
buộc tội	to charge, accuse
cấp-tiến	radical
cụ-thể	concrete
cực-hữu; cực-tả	the extreme right; extreme left
du-luận	(public) opinion
đảng phái	sect, party (political)
hiến-pháp	constitution
hưởng	to enjoy
mọc	to grow (of plants, sprouts etc.)
mức = mức	standards, level
(tai)nấm	mushroom
(nói) tóm lại	in sum, in short
phản-động	reactionary
quyền-lợi	right, privilege
thân-cộng	pro-communist
thành-thị	city, town
thợ-thuỷ	laborer, worker
thôn-quê	countryside
tôn-giáo (phái)	religious sects
tự-do	free, freedom
ứng-cử	to be a candidate (in an election)

thân = pro, close

pháp luật, luật pháp laws

bầu cử = bỏ thăm = elect

đầu cử = result (to be elected)

VS L. 104

Women work even ranks to keep rows of rice straight
snake soup

Địa-dư Việt-Nam

Bài thứ hai mươi một

Thành-Phố Huế

Trong lúc nhà Nguyễn còn cầm quyền, Huế được chọn làm thủ-đô của nước Việt-Nam. Về phương-diện lịch-sử, Huế có nhiều vết-tích cổ-kính từ đời vua Gia-Long để lại: *áo giáp* nào Mang Cá, nơi mà quân-đội Pháp đã đặt chân lên đất Huế lần *chuyến* thứ nhứt; *calvary* nào của Đống, con đường mà vua Hàm-Nghi phải chạy trốn quân-đội Pháp. Huế cũng là chỗ vua Gia-Long nghỉ chân trước khi tiến-ra đánh Bắc-Việt. Trước kia Huế chứng-kiến nhiều cuộc chiến-tranh lịch-sử thì ngày nay lại thấy nước Việt-Nam bị chia đôi gần Huế.

Xét về phương-diện địa-dư, thì phong-cảnh Huế thật độc-nhất. Huế đẹp không phải vì những nhà chọc trời, vui không phải vì những tiếng ồn-ào của rạp hát. Huế đẹp vì sông Hương, núi Ngự, hồ Tịnh-Tâm. Huế quý vì lăng vua, Huế xinh vì con gái Huế đẹp. *khác*

Con sông Hương nước xanh biếc từ dãy núi Trường-Sơn chảy xuống cắt đôi thành-phố Huế. Bên này là những dãy nhà cao xây theo kiểu Âu-Châu như nhà Ngân-Hàng, trường Thiên-Hựu, trường Pellerin, nhà thờ Phủ-Cam, *bank* nhà Ga. *school* Bên kia là các phố buôn-bán kiểu Việt-Nam với chợ Gia-Hội, *business* trại Mang-Cá, *small* đền vua và thành. *citadel* Cái cầu Tràng-Thị (sơn trắng) bắc qua sông Hương, nối liền hai cái văn-minh Âu và Á ở hai bên bờ sông. *civilization*

Về những buổi chiều mùa hạ, khi mặt trời đã chiều hết *after*

^{những ánh nắng cuối cùng} những ánh nắng cuối cùng, ^{lái đò} những cô lái đò xinh đẹp, ^{tay thì} tay thì lái ^{miệng thì hát} miệng thì hát. Những cô con gái Huế (^{thuật} tha) nhẹ bước trên bờ sông Hương.

Nói đến Huế, người ta nghĩ ngay đến những phong-cảnh đẹp, tưởng đến những ^{kỷ-niệm êm-đềm} kỷ-niệm êm-đềm, những vết-tích thời ^{xưa để lại} xưa để lại và những trang sử ^{bí-hùng} bí-hùng của nước Việt-Nam.

	Ngũ-vũng
ánh nắng	sun light
bi-hùng	heroic, intrepid
cầm quyền	to rule
chiếu	to shine
chứng kiến	to witness
cổ-kính	ancient
độc-nhút	unique
êm-dềm	sweet and graceful
kỷ-niệm	recollection, souvenir
lăng vua	royal tomb
nhà chọc trời	skyscraper
thành	citadel
thuốt tha	graceful (feminine)
tiếng ồn-ào	noisy (of human voice)
vết-tích	tracer, landmarks

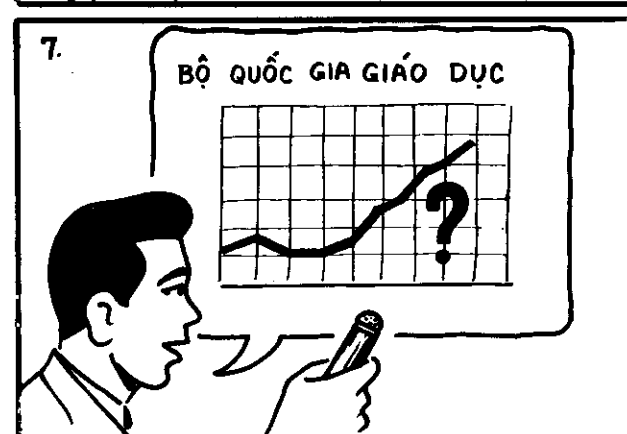
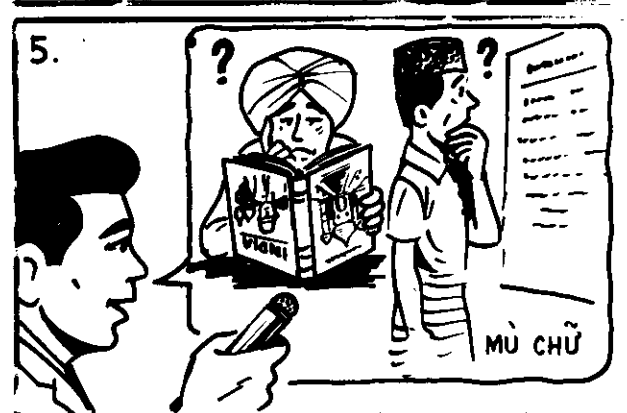
Câu hỏi:

1. Huế ở đâu? Xưa kia Huế được chọn làm gì?
2. Về phương-diện lịch-sử, Huế có những gì?
3. Về phương-diện địa-dư, Huế có gì hay không?
4. Khi nói đến Huế, người ta nghĩ đến những gì?
5. Huế đẹp ở cái gì?
6. Xin ông tả cảnh sông Hương.
7. Những buổi chiều mùa hạ, sông Hương có đẹp không?
Tại sao?
8. Thành-phố Huế bị cắt đôi như thế nào?

Tục-ngữ Việt-Nam:

Dirtier strikes dead beauty
"Cái nết đánh chết cái đẹp."

"beauty is only bin sheep."



BÀI THỬ MỘT TRĂM LỄ NĂM

1. Phóng-viên: Thưa ông, xin ông cho biết một vài cảm-tưởng của ông sau cuộc kinh-lý này.
2. Bộ-trưởng bộ giáo-dục: Sau khi họp mặt với các nhà giáo-dục tại các nước Ấn-độ, Miên-điện, Nam-dương, tôi thấy chương-trình chống nạn mù chữ tương-lai ở Việt-Nam rất khả-quan.
3. P.V: Xin ông cho biết thêm về chương-trình đó.
4. B.T.B.G.D: *Sau những phiên họp với các nhà giáo dục và sau những cuộc thương-thuyết với các nhà chức-trách bản-xứ chúng tôi đã thỏa-thuận trao-đổi nhiều chuyên-viên*
hơn.
5. P.V: Xin ông cho biết tỷ-số nạn mù chữ ở các nước đó có cao bằng ở Việt-Nam không?
6. B.T.B.G.D: Trước khi đệ-trình tờ báo cáo và chương-trình cải-cách lên Thủ-tướng, tôi xin miễn bàn về vấn-đề này.
7. P.V: Nói chung, nền giáo-dục ở Việt-Nam từ nay sẽ quốc phát-triển mạnh hơn, phải không?
8. B.T.B.G.D: *Đó là điều tôi mong ước*
Đó là điều tôi mong-ước và cũng là nguyên-vọng của hàng triệu người dân Việt. Thôi, chào ông.

Lesson 105

1. Phóng-viên: Sir, what's your impression of this inspection tour?
2. Bộ-trưởng bộ giáo-dục: After several meetings with many educators in India, Burma and Indonesia, I found that our program for fighting illiteracy in Viet-Nam in the future is very satisfactory.
3. P.V: Please tell me more about that program.
4. B.T.B.G.D: After many meetings with educators and negotiating with responsible authorities of the countries we agreed to exchange more experts.
5. P.V: Would you please let me know whether the proportion of illiterates in those countries is as high as in Viet-Nam?
6. B.T.B.G.D: Before submitting my report and my reform program to the Premier, I should not discuss this.
7. P.V: In general, education in Viet-Nam will be developed faster from now on; is that right?
8. B.T.B.G.D: That's what I've been hoping for and that's also the wish of millions of Vietnamese citizens.

Well, good bye.

VS L. 105

Ngũ-vụng

Ấn-độ	India
bản phúc-trình	the report
bàn (vẽ, tối)	to discuss
bản-xứ	native
cải-cách	reform
cuộc kinh-lý	inspection tour
đề-trình	to submit (proposal, plan etc.)
điều	thing, action etc.
họp mặt	to meet
khả-quan	satisfactory, favorable
miễn	to by-pass, pass
Miền-diện	Burma
mong-ước	to wish, hope
mù chữ	illiterate
Nam-dương	Indonesia
nạn mù chữ	illiteracy
nguyện-vọng	aspirations, wish
nhà chức-trách	responsible authorities
nói chung	generally speaking
phát-triển	to develop, expand

thỏa-thuận	to agree, consent
thương-thuyết	to negotiate
triệu	million
tương-lai	future
tỷ-số	proportion
vấn-đề	subject, problem, matter

Con cóc là cậu ông Trời.

Ngày xưa có một năm Trời làm đại hạn, năm sáu tháng không có một giọt mưa. Dăm lã, vũng đều khô cạn.

Có một con cóc ở trong hang sâu, nghĩ mình gần cồ, kêu không đến Trời, bèn bỏ hang đi lên tận Trời để kêu. Đi được một quãng đường cóc gặp một con ong hỏi cóc đi đâu. Cóc bảo: "Trời không mưa, không có nước uống, tôi đi kêu trời đây." Ong nói: "Nếu vậy, anh cho tôi đi theo với." Cóc bằng lòng. Cóc và ong đang đi thì gặp một con gà, gà hỏi: "Hai anh đi đâu". Cóc và ong đáp: "Trời làm đại hạn, chúng tôi đi lên Trời kêu". Gà nói: "Hai Anh cho tôi đi theo với". Cóc gật đầu. Cả ba cùng đi. Giữa đường gặp một con cọp, cọp hỏi "Ba anh đi đâu đó?" Ba con đều đáp: "Trời không mưa, không có nước nên chúng tôi đi lên Trời kêu đây." Cọp nói: "Đề tôi đi với các anh." Bốn con cùng nhau đi. Đi lâu lắm mới đến cửa nhà Trời. Cóc dặn ba con kia. "Các anh đứng đợi ngoài này, một mình tôi vô trước. Chừng nào tôi gọi tới tên các anh thì các anh mới vô, nếu tôi không gọi thì thôi." Rồi cóc đi vào.

(còn nữa)

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

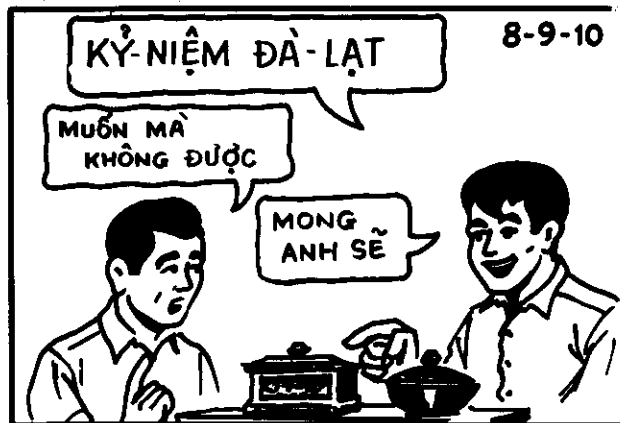
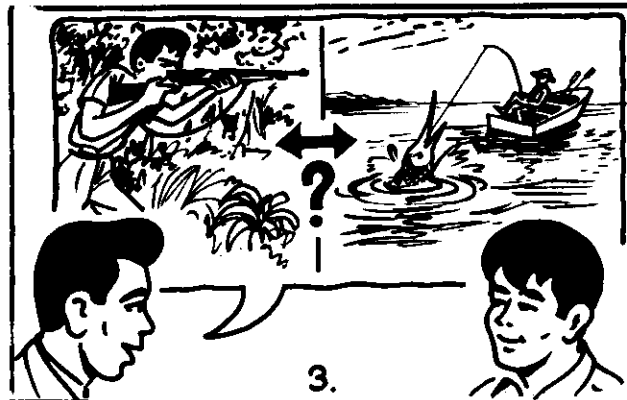
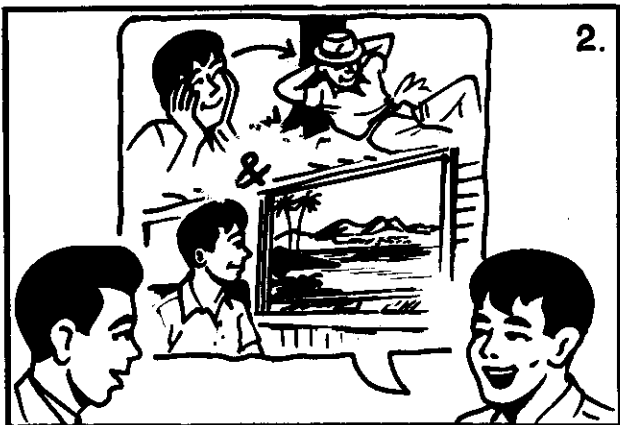
bảo	to tell, say
con cóc	the toad
con ong	the bee
con cọp	the tiger
đại hạn	drought
đáp	to reply
hang	hole, hollow
kêu	to complain, protest against
khô cạn	dried up
vũng	pool, puddle

Câu hỏi:

1. Con cóc ở đâu?
2. Tại sao cóc đi lên Trời?
3. Cóc lên Trời với ai?
4. Cửa nhà Trời có xa lắm không?
5. Khi đến cửa nhà Trời, cóc dặn ong, gà và cọp gì?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Khôn ngoan tới cửa quan mới biết."



BÀI THỨ MỘT TRĂM LẼ SÁU

1. Thân: Trong kỳ nghỉ này anh đã dự-định đi chơi đâu chưa?
2. Dậu: Tôi đương kiếm một vài nơi đi nghỉ mát và ngắm cảnh luôn.
3. T: Anh muốn đi lên rừng săn bắn hay đi câu cá nước mặn?
4. D: Tôi thì muốn vào rừng núi hoang-vu để hạ ít con cọp, con beo cho sướng tay. Nhưng nhà tôi lại muốn đi nghỉ mát ở những nơi nào có phong-cảnh đẹp.
5. T: Như vậy tôi đề-nghị anh lên Đà-lạt chơi. Ở trên có nhiều cảnh đẹp lắm.
6. D: Ồ phải! Như vậy thì hay đó. Đề tôi bàn với nhà tôi xem.
7. T: Ngoài những buổi chiều đi xem thác nước ra, anh còn có thể đi săn nai, săn thỏ nữa.
8. D: Như vậy thì thú vô cùng. Tôi chưa bao giờ được ở Đà-lạt, nhưng tôi có vài đồ kỷ-niệm của miền Đà-lạt. Tôi thích lắm.
9. T: Anh thiệt là sung-sướng, được đi ngao-du nơi này nơi nọ. Tôi muốn như anh mà không được.
10. D: Cảm ơn anh nhiều. Tôi mong rằng anh sẽ có dịp đi chơi ở Đà-lạt lại.

Lesson 106

1. Thân: Do you intend to go someplace this vacation?
2. Dậu: I have been looking for a place to go rest and to see beautiful scenery at the same time.
3. T: Do you want to go hunting in the forest, or salt-water fishing?
4. D: I want to go into the wild forests and mountains to shoot tigers and panthers. But my wife wants to go on vacation where there is beautiful scenery.
5. T: In that case I suggest that you go to Dalat. There is a lot of beautiful scenery up there.
6. D: Oh yes! That's great! Let me discuss it with my wife.
7. T: Besides watching waterfalls in the evening, you can go hunting for deer and rabbits.
8. D: That's great! I've never been in Dalat, but I have a few souvenirs from there. I like them very much.
9. T: You're lucky that you can travel around. I can't even if I want to.
10. D: Thank you very much. I hope that you'll have the opportunity to go to Dalat again.

Ngũ-vụng

beo (con)	panther
cọp (con)	tiger
đề-nghị	to propose, suggest
dự-định	định
đương	đang
hoang-vu	wild, overgrown, uncultivated
kỷ-niệm (cái)	souvenir
lại	instead
luôn	at the same time
mặn	salty
nai	deer
ngao-du	to wander, travel around
nơi này nơi nọ	here and there
Ồ phải!	Oh yes!
săn <u>or</u> săn bắn	to hunt
thác (cái)	waterfall
thỏ	rabbit
thú	delightful
vô cùng	extremely

PATTERN DRILL

luôn - "to do at the same time, do in one operation"

- a. Một giờ ông có thể dịch luôn hai bài.
- b. Tôi mua luôn một tá vì rẻ quá.
- c. Cờ bị bịnh luôn ba ngày.
- d. Tôi thích phong-cảnh Đà-lạt nên chụp luôn ba cuộn phim.

Tình Thế Nước Việt-Nam

Trước Khi có Chiến-Tranh Với Nước Pháp

Trước kia nước Việt-Nam là một nước quân-chủ, ở gần nước Tàu, chịu ảnh-hưởng của Trung-Hoa. Từ vua cho đến dân đều học chữ nho, sùng đạo Nho, coi đạo Nho là quốc-giáo, coi nước Trung-Hoa là một đại cường-quốc và việc gì cũng cố bắt chước. Ngoài ra không còn biết nước nào nữa. Trong khi các nước cạnh-tranh tiên-bộ thì Việt-Nam cứ khu-khu giữ lấy những cái cò-hủ ngàn xưa. Một vài người đi du-học như Nguyễn-trường-Tộ v.v..., thấy các nước phương tây tiên-bộ, khi về làm tờ báo-cáo xin vua cải-tồ lại các việc trong nước để theo kịp với người ta, thì vua quan lại cho là nói láo, không tin. Vua quan không muốn cho người ngoại-quốc vào buôn-bán, lại còn ngăn cấm, chém giết những người theo đạo mới, làm cho dân chúng phải trốn-tránh khổ sở.

Người trong nước thì chia ra làm 4 hạng là: sĩ, nông, công, thương.

Sĩ: sĩ là hạng người chuyên nghề đi học để làm quan, nếu không thì dạy học, làm thầy thuốc, hay làm thầy tướng v.v Đó là những nghề phong-lưu nhân-hạ. Vì thế sĩ là hạng người rất được kính-trọng.

Nông: nông là hạng người chuyên nghề làm ruộng. Nghề làm ruộng là nghề chánh của dân Việt-Nam. Thường thì ai

cũng có ít ruộng để cày cấy. Nghề làm ruộng rồi và.

Công: công là hạng người làm nghề thợ, hoặc làm một công-nghệ gì như dệt vải, đánh cá, làm mắm v.v. Những người làm nghề thợ thường ít học, quanh năm đi làm thuê và chỉ được đủ ăn mà thôi.

Thương: thương là hạng người làm nghề buôn-bán. Vua quan đã cấm không cho người ngoại-quốc vào buôn-bán ở trong nước nên người Việt-Nam chỉ buôn-bán quanh-quần trong nước mà thôi.

Công-nghệ như thế, buôn-bán như thế thì nước Việt-Nam phú-cường làm sao được. Lúc bấy giờ chỉ có nghề nông và nghề sĩ là quan-trọng hơn cả.

Còn việc binh-bị, thì lính dùng gươm, dùng giáo. Một đội 50 người mà chỉ có 5 người dùng súng hỏa-mai, phải chằm ngòi mới bắn được, mỗi năm chỉ được tập bắn 6 phát mà thôi.

Nước nghèo, dân khổ, binh lính như vậy, khí-giới như vậy, triều-đình như vậy, nên khi quân Pháp xâm-lăng, thì chống lại làm sao được!

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

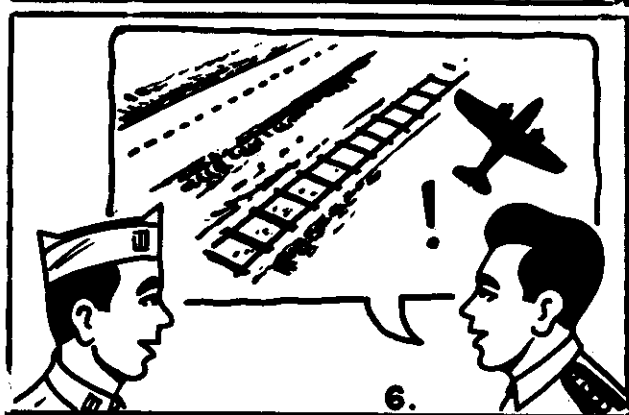
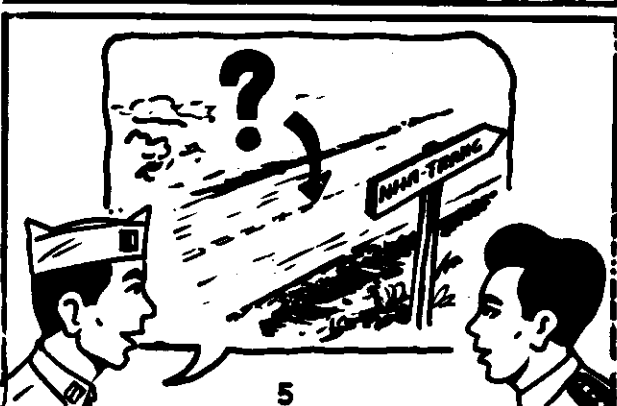
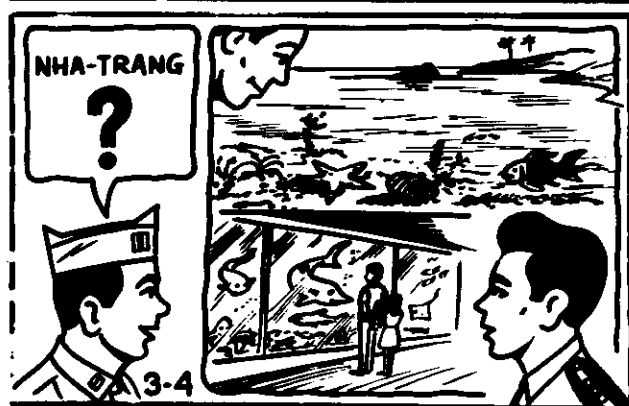
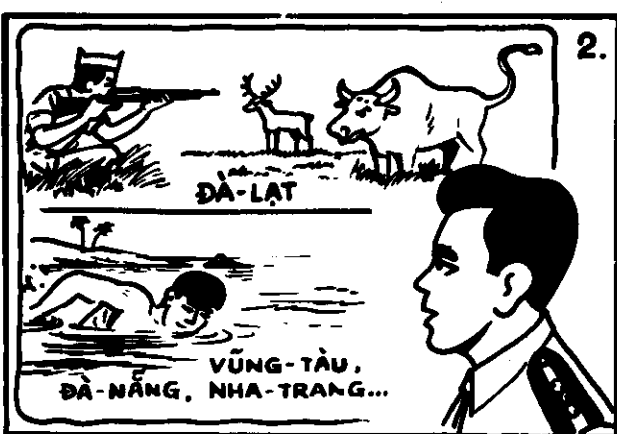
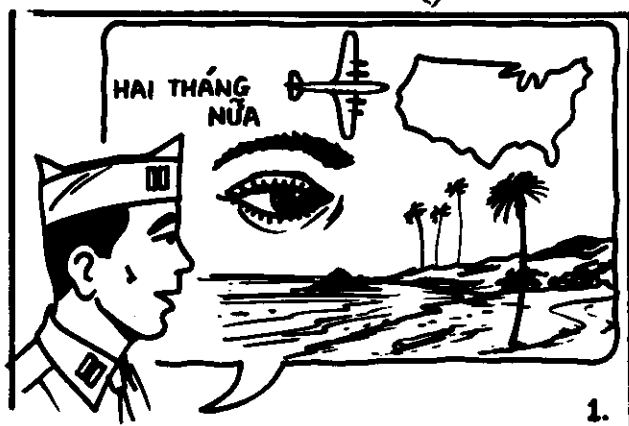
ảnh-hưởng	influence
bắt chước	to imitate
cải-tổ	to reorganize, make change (for the better)
cạnh-tranh	to compete
cổ-hủ	old-fashioned
cường-quốc	big power (nation)
khư-khư	stubbornly
nhàn-hạ	easy work, do not have to work hard
phong-lưu	well-off (financially)
quanh-quần	around, restricted to a small area
súng hỏa-mai	a musket
thầy tướng	phrenologist
tiên-bộ	to advance

Câu hỏi:

1. Tại sao Việt-Nam chịu ảnh-hưởng Trung-Hoa?
2. Tại sao ngày xưa Việt-Nam coi Trung-Hoa là một đại cường-quốc?
3. Tại sao Việt-Nam không tiên-bộ bằng các nước khác?
4. Ông Nguyễn-trường-Tộ đi du-học ở đâu?
5. Đi du-học về ông Nguyễn-trường-Tộ làm gì?
6. Tại sao sĩ là hạng người được kính-trọng?
7. Nghề nào là nghề chánh của người Việt-Nam? Tại sao?
8. Làm nghề thợ ở Việt-Nam có được nhiều tiền không?
9. Tại sao người Việt-Nam chỉ buôn-bán quanh-quần trong nước?
10. Tại sao Pháp thắng Việt-Nam?

Tục-ngữ Việt-Nam:

"Nhút sĩ ^{first intellectual} nhĩ nông, ^{farmer}
Hết gạo ^{no rice} chạy rông, ^{2nd}
Nhút nông nhĩ sĩ." ^{no purpose}



BẦY THÚ MỘT TRĂM LẼ BẦY

1. Đại-úy O'Neil: Thưa ông, còn hai tháng nữa thì tôi trở về Mỹ. Tôi muốn xem một vài phong cảnh đẹp ở Việt-Nam. Xin ông chỉ giùm tôi.
2. Đại-úy Minh: Nếu ông ưa đi săn bắn nai hay bò rừng thì ông có thể lên Đà-lạt. Nếu ông ưa tắm biển thì ông có thể ra Vũng Tàu, Đà-nẵng, Nha-trang và nhiều bãi biển khác nữa.
3. Đ.U. O'Neil: Nha-trang có gì lạ không ông?
4. Đ.U. Minh: Dạ biển Nha-trang sạch-sẽ và cách Nha-trang vài dặm có một viện hải-học độc-nhất ở Đông-Nam-Á.
5. Đ.U. O'Neil: Đường ra Nha-trang có dễ đi không?
6. Đ.U. Minh: Dạ, tôi tưởng cũng dễ. Có cả đường xe lửa nữa, nhưng đi máy bay thì tiện hơn nhiều.
7. Đ.U. O'Neil: À, tôi nghe nói Cần-Thơ đẹp lắm.
8. Đ.U. Minh: Đẹp thì không đẹp lắm. Nhưng ở dưới có cái thú ăn chim sẻ nướng với rượu. Ngon không chê được.
9. Đ.U. O'Neil: Thôi cảm ơn ông lắm. Tôi mong rằng ông sẽ có dịp đến viếng phong cảnh bên Mỹ.
10. Đ.U. Minh: Dạ tôi cũng ước mong được như vậy.

Lesson 107

1. Đại-ủy O'Neil: Captain, in two more months I shall return to America. I'd like to see some beautiful scenery in Viet-Nam. Could you recommend a few places?
2. Đại-ủy Minh: If you like to go hunting for deer or for wild cattle (gaw) you could go to Dalat. If you like to swim in the sea you could go to Vũng-Tàu, Đà-Nẵng, Nha-Trang or other beaches.
3. Đ.U. O'Neil: Anything outstanding about Nha-Trang?
4. Đ.U. Minh: The sea at Nha-Trang is clean and a few miles from Nha-Trang there is an aquarium which is the only one in South East Asia.
5. Đ.U. O'Neil: How is the road to Nha-Trang?
6. Đ.U. Minh: There is a good road to Nha-Trang. You can also get there by train, but flying is more convenient.
7. Đ.U. O'Neil: Oh, I heard that Cãn-Thơ is very beautiful.
8. Đ.U. Minh: It's not that beautiful. But there you can enjoy roasted sparrows with wine, and nothing could be better.
9. Đ.U. O'Neil: Thank you very much. I hope that you'll have the opportunity to go on a sight-seeing tour in America.
10. Đ.U. Minh: So do I.

Ngũ-vịng

bãi biển	beach
bò rừng	wild cattle (gaw)
chê	to criticize, belittle
chim sẻ	sparrow
độc-nhứt	unique, the only one
Đông-Nam-Á	South East Asia
hải-học	oceanography
lục-tỉnh	the six southwestern provinces
nuống	grilled, roasted
sạch-sẽ	clean
trở về	to go back, return
ưa	thích
viện hải-học	institute of oceanography

Vũng - Tàu

~~tourist~~
Du-khách, nhứt là du-khách ngoại-quốc, một khi đã đến Vũng-Tàu chơi thì không thể nào quên phong-cảnh Vũng-Tàu được. Đây là một nơi nghỉ mát nổi tiếng nằm trên bãi biển Thái-bình-dương, cách Sài-thành 124 cây số. Vũng-Tàu trước đây là Cap St. Jacques nên người ta quen gọi là "Cấp".

Vào những ngày lễ nghỉ dân chúng đua nhau đi "Cấp": họ đi từng đôi, từng toán, hoặc từng gia-đình một, đi bằng xe hơi hay máy bay. "Cấp" có nhiều thú vui, nhưng một khi đi "Cấp" ai cũng thích tắm biển tại một trong hai bãi tắm rất đẹp: "Bãi trước" được nhiều người thích hơn vì bãi phẳng, cát trắng và có nhiều cây dừa, tha hồ mà phơi nắng. "Bãi sau" sâu hơn, nên chỉ dành riêng cho những ai lội giỏi.

Nếu bạn muốn ngủ lại đêm ở Vũng-Tàu thì đã có những khách-sạn sang, nhưng cần phải giữ chỗ trước. Bên cạnh các khách-sạn này thỉnh thoảng có một hai quán giải khát, phòng trà, dành cho du-khách đến uống rượu ^{recreation} giải-trí; đây là nơi mà các tài-tử màn-bạc hoặc các ca-sĩ ^{singer} tối biểu-diễn

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vụng

biểu-diễn	to be on stage
ca-sĩ	singer
chiêu hàng	sales promotion
dành riêng cho	it is only for
du-khách	tourist
nổi tiếng	well known
quán giải khát	night club
sang	de luxe
tài-tử màn-bạc	movie actor, actress
thú vui	pleasures